

1. Look and circle the correct word. (Nhìn tranh và khoanh tròn vào từ đúng)



1. We / He



2. It / They



3. He / She



4. We / She



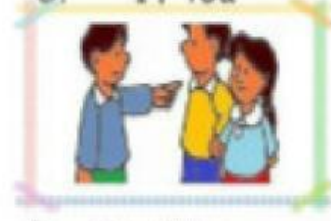
5. I / You



6. She / We



7. They / He



8. We / You



9. It / They

2. Look. Choose and write. Nhìn, chọn và viết từ tương ứng the tranh.

I

He

She

You

It

1.



\_\_\_\_\_ is a duck.

2.



\_\_\_\_\_ am a student.

3.



\_\_\_\_\_ is a farmer.

4.



\_\_\_\_\_ is a bag.

5.



\_\_\_\_\_ is a singer.

6.



\_\_\_\_\_ are students.

7.



\_\_\_\_\_ is a house.

8.



\_\_\_\_\_ is a teacher.

3. Look and circle the correct word. Nhìn và khoanh tròn vào từ đúng.

|                                                                                                             |                                                                                                              |                                                                                                              |                                                                                                               |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  <p>He<br/>It<br/>She</p>  |  <p>It<br/>You<br/>They</p> |  <p>We<br/>You<br/>She</p>  |  <p>It<br/>He<br/>We</p>   |
|  <p>You<br/>He<br/>She</p> |  <p>He<br/>You<br/>She</p>  |  <p>We<br/>They<br/>She</p> |  <p>You<br/>It<br/>He</p>  |
|  <p>It<br/>He<br/>She</p>   |  <p>We<br/>He<br/>It</p>    |  <p>It<br/>We<br/>She</p>   |  <p>They<br/>He<br/>We</p> |
|  <p>It<br/>They<br/>You</p> |  <p>They<br/>He<br/>She</p> |  <p>We<br/>He<br/>She</p>  |  <p>It<br/>He<br/>We</p>   |

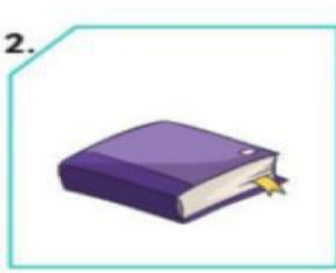
4. Look and circle. Nhìn và khoanh vào đại từ tương ứng

|                                                                                                                                             |                                                                                                                                           |                                                                                                                                             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  <p>It<br/>He<br/>She</p> <p>1. _____ is a car.</p>       |  <p>It<br/>You<br/>She</p> <p>2. _____ is a singer.</p> |  <p>We<br/>He<br/>She</p> <p>3. _____ are friends.</p>  |
|  <p>He<br/>It<br/>She</p> <p>3. _____ is a postman.</p>  |  <p>It<br/>They<br/>She</p> <p>4. _____ are birds.</p> |  <p>I<br/>It<br/>He</p> <p>6. _____ am a pupil.</p>    |
|  <p>It<br/>You<br/>She</p> <p>7. _____ is an orange.</p> |  <p>We<br/>It<br/>She</p> <p>8. _____ are a pupil.</p> |  <p>It<br/>They<br/>I</p> <p>9. _____ are pencils.</p> |

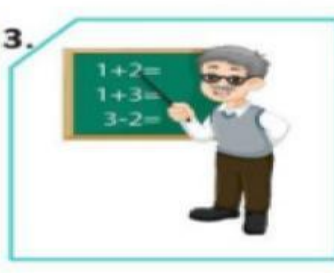
5. Look and write .Nhìn và viết đại từ tương ứng.



\_\_\_\_\_ is a singer.



\_\_\_\_\_ is a book.



\_\_\_\_\_ is a teacher.



\_\_\_\_\_ are my friend.



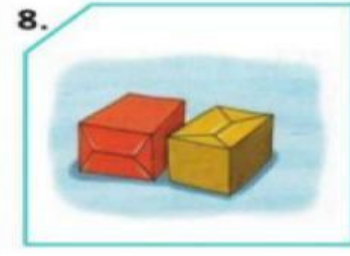
\_\_\_\_\_ is a vet.



\_\_\_\_\_ am a driver.



\_\_\_\_\_ is a hospital.



\_\_\_\_\_ are boxes.

8. Write he, she, it, we, you, they. Viết các đại từ tương ứng

1. Sophia => \_\_\_\_\_

2. Dogs => \_\_\_\_\_

3. I and Lisa => \_\_\_\_\_

4. Mother => \_\_\_\_\_

5. Mark and I => \_\_\_\_\_

6. Lily and Tom => \_\_\_\_\_

7. Mother and father => \_\_\_\_\_

8. Car => \_\_\_\_\_

9. Book => \_\_\_\_\_

10. Father => \_\_\_\_\_

10. Read and write pronoun. (Đọc và viết đại từ nhân xưng tương đương)

1. Mary and I \_\_\_\_\_

7. Quan and Lan \_\_\_\_\_

2. mother \_\_\_\_\_

8. John \_\_\_\_\_

3. Peter \_\_\_\_\_

9. Min and I \_\_\_\_\_

4. dogs \_\_\_\_\_

10. car \_\_\_\_\_

5. book \_\_\_\_\_

11. pencils \_\_\_\_\_

6. You and Mai \_\_\_\_\_

12. Linda \_\_\_\_\_